

Bản án số: 552/2018/HNGĐ.

Ngày: 21-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc San Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tổng Thị Kim Điền;

2. Ông Nguyễn Đình Rành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1976; Địa chỉ: đường L, Phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Đường H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Ngô Hữu T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Hoàng Dương, Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội; Chỗ ở: Đường H, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là bà Ngô Thị H trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà và ông T qua thời gian tìm hiểu, cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 đăng ký ngày 22/02/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).

Vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và ông T không có trách nhiệm với gia đình. Bà đã nhiều lần cho ông T cơ hội để cả hai cùng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ 05 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Hữu T.

- Về con chung: Bà và ông Ngô Hữu T có 01 con chung họ tên là: Ngô Hữu Anh K, sinh năm 10/5/2008. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Ngô Hữu Anh K, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01 đến ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào tháng 10 năm 2018 cho đến khi trẻ K trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận không có.

- Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bà cam kết việc ly hôn của vợ chồng không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào khác.

Bà Ngô Thị H có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, không thay đổi các yêu cầu của mình.

Tại bản tự khai ngày 13/4/2018, bị đơn ông Ngô Hữu T trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Ngô Thị H qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 ngày 22 tháng 02 năm 2007.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông thiếu trách nhiệm ít quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả. Nên ông yêu cầu Tòa giải quyết theo nguyện vọng của bà Ngô Thị H.

- Về con chung: Ông xác nhận có 01 con chung họ tên là: Ngô Hữu Anh K, sinh ngày 10/5/2008. Nguyện vọng của ông là giao trẻ K sống với mẹ là bà H và ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn ông Ngô Hữu T, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T chỉ đến Tòa án một lần duy nhất vào ngày 13/4/2018 để trình bày bản tự khai, sau đó ông T vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Về xác định tư cách tham gia tố tụng; Xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; Về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Sau thời gian sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông T, ông T đồng ý ly hôn, yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Về con chung: bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, ông T đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung đồng thời con chung có nguyện vọng ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Ngô Thị H yêu cầu ly hôn với ông Ngô Hữu T, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Ngô Hữu T cư trú tại Quận B nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Nguyên đơn bà Ngô Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với bị đơn ông Ngô Hữu T đã được Tòa án tiến hành triệu tập và tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn chỉ có mặt tại Tòa để trình bày bản tự khai sau đó vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Ngô Hữu T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông Long phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị H và ông Ngô Hữu T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2007.

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyền số 01 đăng ký ngày 22/02/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có đủ cơ sở để xác định ông Ngô Hữu T và bà Ngô Thị H là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Ông T và bà H đều tự thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với gia đình, ít quan tâm đến vợ con. Cả hai cùng khắc phục nhưng không có kết quả, không thể dung hòa mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng đã ly thân từ 05 năm nay.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ lời trình bày của các đương sự cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc đích thực cho nhau nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 130/P8, quyền số 01/2008 đăng ký ngày 15/5/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và lời khai của ông Ngô Hữu T và bà Ngô Thị H đã có đủ cơ sở để xác nhận: Ông T và bà H có 01 (một) con chung là: Ngô Hữu Anh K, sinh ngày 10/5/2008, hiện trẻ K đang sống với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ K có nguyện vọng ở với mẹ; đồng thời, ông T và bà H cũng thống nhất: giao bà H trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nợ chung: Các đương sự khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị H phải chịu án phí ly hôn, bị đơn ông Ngô Hữu T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

[9] Quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị H và ông Ngô Hữu T có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

- Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn bà Ngô Thị H và bị đơn ông Ngô Hữu T.

- Về nội dung: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân:

Bà Ngô Thị H được ly hôn với ông Ngô Hữu T (Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 đăng ký ngày 22/02/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh).

2/ Về con chung: Các đương sự xác nhận có 01 (một) con chung họ, tên là: Ngô Hữu Anh K, sinh ngày 10/5/2008.

Giao con chung tên Ngô Hữu Anh K cho bà Ngô Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Ngô Hữu T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 05 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào tháng 10 năm 2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Ngô Hữu T chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Ngô Hữu T phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Ngô Hữu T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

4/ Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà Ngô Thị H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025287 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7. Vậy, bà Ngô Thị H đã nộp đủ án phí.

- Ông Ngô Hữu T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bà Ngô Thị H và ông Ngô Hữu T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản sao bản án được niêm yết tại đại phương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM; (1)
- VKS ND Quận 7; (2)
- THA Dân sự Quận 7; (1)
- UBND nơi các đương (1)
- sự đăng ký kết hôn; (2)
- Các đương sự; (2)
- Lưu, hồ sơ (Luyên). (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**